

QUY CHẾ ĐẦU TƯ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2021/NVS/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích và phạm vi áp dụng

- Định hướng hoạt động đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS), đề ra các quy tắc, các hạn mức, các tiêu chí cần tuân thủ trong hoạt động đầu tư.
- Làm cơ sở cho việc chi tiết hóa các hoạt động đầu tư, quản trị rủi ro thông qua quy trình, quy chế cụ thể của Công ty.
- Quy chế này áp dụng cho tất cả các hoạt động đầu tư của NVS.

Điều 2. Giải thích từ ngữ, định nghĩa

2.1. Các từ ngữ:

- Tiền khả dụng là tiền có thể sử dụng được ngay.
- Đầu tư là hoạt động chuyển tài sản từ dạng tiền khả dụng sang loại tài sản khác như cổ phiếu, trái phiếu, hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn... nhằm mục đích thu lợi nhuận.
- Thoái đầu tư / thanh lý đầu tư là việc chuyển các dạng tài sản đầu tư sang dạng tiền khả dụng.
- Khoản đầu tư là trạng thái đầu tư vào một mã chứng khoán, một công ty, một dự án theo giá trị đầu tư (giá trị mua vào); mỗi khoản đầu tư có thể được giải ngân theo nhiều lần, nhiều món khác nhau.
- Đề xuất đầu tư là văn bản được lập với mục đích đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét quyết định đầu tư. Đề xuất đầu tư gồm 2 phần: đánh giá cổ phiếu / doanh nghiệp / dự án và phần phương án đầu tư đề nghị.
- Mức cắt lỗ là tỷ lệ phần trăm phản ánh giá trị khoản đầu tư được đánh giá lại theo giá thị trường so với giá trị mua vào của khoản đầu tư đó bị giảm tới hoặc cận kề tỷ lệ đó thì bắt buộc phải thanh lý khoản đầu tư.

2.2. Định nghĩa loại hình và kỳ hạn đầu tư:

2.2.1. Loại hình đầu tư:

- Đầu tư cổ phần riêng lẻ: đầu tư vào công ty, dự án mà cổ phiếu chưa giao dịch trên thị trường chính thức hoặc/và thị trường OTC.

- Đầu tư cổ phần công ty đại chúng:
 - Đầu tư cổ phiếu niêm yết: đầu tư vào cổ phiếu giao dịch trên thị trường niêm yết chính thức.
 - Đầu tư cổ phiếu OTC: đầu tư vào cổ phiếu giao dịch trên thị trường OTC.
- Đầu tư công cụ nợ, bao gồm nhưng không giới hạn:
 - Các giao dịch mua bán trái phiếu.
 - Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, các giao dịch kỳ hạn có đảm bảo hoặc các loại hình đầu tư thu lợi tức cố định khác.

2.2.2. Kỳ hạn:

- Ngắn hạn: khoản đầu tư mà đề xuất đầu tư dự kiến thời gian từ khi giải ngân đến khi hoàn tất thanh lý có kỳ hạn từ nhỏ hơn hoặc bằng 3 tháng.
- Trung hạn: khoản đầu tư mà đề xuất đầu tư dự kiến thời gian từ khi giải ngân đến khi hoàn tất thanh lý có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến dưới 12 tháng.
- Dài hạn: khoản đầu tư mà đề xuất đầu tư dự kiến thời gian từ khi giải ngân đến khi hoàn tất thanh lý có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên.

CHƯƠNG II

TRÁCH NHIỆM VÀ PHÂN CẤP

Điều 3. Trách nhiệm

3.1. Đại hội đồng cổ đông

- Phê duyệt và ban hành Quy chế Đầu tư trên cơ sở dự thảo đề xuất của Hội đồng quản trị;
- Quyết định định hướng kế hoạch và ngân sách đầu tư hàng năm;
- Xem xét và ra quyết định đối với các khoản đầu tư vượt thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
- Ủy quyền hạn mức ra quyết định đầu tư cho Hội đồng quản trị theo Quy chế này phù hợp với từng thời kỳ.

3.2. Hội đồng quản trị

- Trình Quy chế Đầu tư để Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;
- Quyết định định hướng kế hoạch và ngân sách đầu tư hàng năm theo thẩm quyền;
- Xem xét và ra quyết định đối với các khoản đầu tư vượt thẩm quyền Tổng giám đốc theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
- Trình Đại Hội đồng cổ đông đối với các giao dịch vượt thẩm quyền;
- Ủy quyền hạn mức ra quyết định đầu tư cho Tổng giám đốc theo Quy chế này phù hợp với từng thời kỳ.

3.3. Tổng giám đốc

- Chịu trách nhiệm đảm bảo các hoạt động đầu tư phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và Quy chế này;

- Đề xuất các khoản đầu tư vượt thẩm quyền lên Hội đồng quản trị;
- Quyết định phê duyệt kế hoạch đầu tư từng giai đoạn cụ thể dựa trên Quy chế Đầu tư và kế hoạch đầu tư hàng năm;
- Ban hành các quy định liên quan đến hoạt động đầu tư;
- Ra quyết định đối với các hoạt động đầu tư (đề xuất đầu tư, quản lý trạng thái đầu tư...) trong phạm vi thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
- Ủy quyền quyết định đầu tư cho các cấp dưới phù hợp với Quy chế này.

3.4. Phòng TỰ doanh

- Đề xuất lên Tổng giám đốc để trình Hội đồng quản trị xem xét quyết định, ban hành, sửa đổi Quy chế Đầu tư;
- Xây dựng quy trình đầu tư và tham gia xây dựng các quy trình liên quan trình Tổng giám đốc xem xét ban hành;
- Xây dựng, đề xuất định hướng, kế hoạch đầu tư từng giai đoạn cụ thể;
- Đánh giá, đệ trình lên Tổng giám đốc các đề xuất đầu tư;
- Theo dõi thường xuyên, liên tục hiện trạng danh mục đầu tư gắn với biến động của thị trường và báo cáo đầy đủ tình hình đầu tư của Công ty cho các cấp, bộ phận có liên quan; chủ động đề xuất, thực hiện các biện pháp điều chỉnh trong phạm vi thẩm quyền và theo quyết định của cấp có thẩm quyền;
- Bảo đảm tuân thủ Quy chế Đầu tư, các quy trình đầu tư; chủ động thực hiện các biện pháp giảm thiểu rủi ro và tuân thủ quy trình quản trị rủi ro;
- Bảo đảm thực hiện đúng chiến lược đầu tư, kế hoạch từng giai đoạn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Bảo đảm hiệu quả đầu tư và quản lý tập trung toàn bộ danh mục đầu tư của NVS;
- Bảo mật thông tin các hoạt động đầu tư theo quy định.

Điều 4. Phân cấp ra quyết định đầu tư

4.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông xem xét và ra quyết định đầu tư theo đề nghị của Hội đồng quản trị theo các điều kiện và hạn mức cụ thể sau đây:

- a) Khoản đầu tư cổ phần riêng lẻ và chứng khoán công ty đại chúng có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của NVS.
- b) Khoản đầu tư hưởng lãi suất bao gồm các hợp đồng tiền gửi, các giao dịch mua bán trái phiếu, các giao dịch kỳ hạn có đảm bảo, các hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc các loại hình kinh doanh thu lợi tức cố định khác, có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của NVS.

4.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị xem xét và ra quyết định đầu tư theo đề nghị của Tổng giám đốc theo các điều kiện và hạn mức cụ thể sau đây:

- a) Khoản đầu tư cổ phần riêng lẻ và chứng khoán công ty đại chúng có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của NVS.
- b) Khoản đầu tư hưởng lãi suất bao gồm các hợp đồng tiền gửi, các giao dịch mua bán trái phiếu, các giao dịch kỳ hạn có đảm bảo, các hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc các loại hình kinh doanh thu lợi tức cố định khác, có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của NVS.

4.3. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét và ra quyết định đầu tư theo đề nghị của Tổng giám đốc hoặc Phòng Tự doanh theo các điều kiện và hạn mức cụ thể sau đây:

- a) Khoản đầu tư cổ phần riêng lẻ và chứng khoán công ty đại chúng có giá trị từ 20 tỷ đồng/giao dịch trở lên, nhưng không quá 30 tỷ đồng/giao dịch;
- b) Khoản đầu tư loại hình tiền gửi, trái phiếu hoặc các hình thức kinh doanh hưởng lợi tức cố định khác, có giá trị không quá 50 tỷ đồng/giao dịch.

4.4. Tổng giám đốc

Tổng giám đốc xem xét và ra quyết định đầu tư theo đề nghị của Phòng Tự doanh theo các điều kiện và hạn mức cụ thể sau đây:

- a) Khoản đầu tư cổ phần riêng lẻ và chứng khoán công ty đại chúng có giá trị dưới 20 tỷ đồng/giao dịch.
- b) Khoản đầu tư loại hình tiền gửi, trái phiếu hoặc các hình thức kinh doanh hưởng lợi tức cố định khác, có giá trị không quá 30 tỷ đồng/giao dịch.

4.5. Ủy quyền cho cấp dưới

Tổng giám đốc có thể ủy quyền cho cấp dưới như Phó Tổng giám đốc, Trưởng Phòng Tự doanh trong việc ra quyết định đầu tư nhưng phải tuân thủ quy định về điều kiện, tổng hạn mức áp dụng như áp dụng đối với Tổng giám đốc.

CHƯƠNG III

QUY TẮC, TIÊU CHÍ ĐẦU TƯ VÀ NGÂN SÁCH ĐẦU TƯ

Điều 5. Quy tắc đầu tư

Việc quyết định đầu tư, thoái đầu tư và duy trì trạng thái đầu tư phải bảo đảm:

- 5.1. Tuân thủ Quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính, bảo đảm chỉ tiêu vốn khả dụng không thấp hơn 180%;
- 5.2. Tuân thủ quy định của Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động công ty chứng khoán. Theo đó, NVS phải đảm bảo:
 - a) Tỷ lệ tổng nợ trên vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán không được vượt quá 05 lần. Giá trị tổng nợ theo quy định này không bao gồm các khoản sau đây:
 - Tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng;
 - Quỹ khen thưởng phúc lợi;

- Dự phòng trợ cấp mất việc làm;
 - Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư.
- b) Nợ ngắn hạn của công ty chứng khoán tối đa bằng tài sản ngắn hạn.
- c) Không đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào các trái phiếu doanh nghiệp.
- d) Không trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
- Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên 50% vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - Cùng với người có liên quan đầu tư từ 5% trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - Đầu tư quá 20% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - Đầu tư quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
 - Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.
- e) Tổng dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ của một công ty chứng khoán không được vượt quá 200% vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán;
- f) Tổng mức cho vay giao dịch ký quỹ của công ty chứng khoán đối với một khách hàng không được vượt quá 3% vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán;
- g) Tổng dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ của một công ty chứng khoán đối với một loại chứng khoán không được vượt quá 10% vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán;
- h) Tổng số chứng khoán cho vay giao dịch ký quỹ của một công ty chứng khoán không được vượt quá 5% tổng số chứng khoán niêm yết của một tổ chức niêm yết.
- 5.3.** Bảo đảm tuân thủ quy định về giao dịch của cổ đông nội bộ, về công bố thông tin, về trình tự, thủ tục đầu tư, về giao dịch theo quy định của pháp luật, của các Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Điều lệ của Công ty.

Điều 6. Các tiêu chí đầu tư

- 6.1.** Đầu tư cổ phiếu niêm yết, OTC (trừ các cổ phiếu đầu tư ngắn hạn): tỷ suất thu hồi vốn (ROI dự phóng) không nhỏ hơn lãi suất huy động của ngân hàng thương mại tương ứng với kỳ hạn đầu tư và có tính thanh khoản. Giá đầu tư cổ phiếu OTC phải được so sánh với giá thực giao dịch được cung cấp một cách độc lập bởi Kế toán và/hoặc Tư vấn đầu tư.
- 6.2.** Đầu tư dài hạn vào công ty, dự án: Giá trị hiện tại ròng (NPV) tối thiểu lớn hơn 0 (không âm), tỷ suất sinh lợi nội tại (IRR) phải lớn hơn hoặc bằng lãi suất cơ bản hiện hành. Thời gian

hoàn vốn của dự án không lớn hơn 10 năm. Thời gian từ lúc bắt đầu triển khai đến khi hoàn tất dự án đưa vào khai thác không lớn hơn 3 năm. Việc đánh giá các tiêu chí trên phải do một nhóm nghiên cứu có sự tham gia của các bộ phận liên quan đưa ra.

6.3. Các khoản đầu tư cổ phiếu niêm yết ngắn hạn phải đảm bảo thực hiện đúng hệ thống các nguyên tắc đầu tư được Tổng giám đốc phê duyệt.

6.4. Các khoản đầu tư không thỏa mãn các tiêu chí nêu trên phải được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Điều 7. Ngân sách đầu tư

Kế hoạch và hạn mức ngân sách đầu tư hàng năm do Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị xem xét quyết định.

CHƯƠNG V

QUY TRÌNH XEM XÉT, RA QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ

Điều 8. Xây dựng kế hoạch, định hướng

Hàng năm, Phòng Tự doanh xây dựng Kế hoạch đầu tư năm trình Tổng giám đốc xem xét và cân đối chung trong Kế hoạch kinh doanh và Kế hoạch tài chính hàng năm trình Hội đồng quản trị và trình Đại hội Cổ đông phê duyệt.

Trên cơ sở Kế hoạch đầu tư năm đã được phê duyệt, Phòng Tự doanh xây dựng kế hoạch đầu tư cụ thể trình Tổng giám đốc xét duyệt. Kế hoạch quý sẽ bao gồm (nhưng không giới hạn) định hướng danh mục đầu tư cổ phiếu niêm yết và hạn mức theo cách thức như sau:

- Định hướng nhóm ngành/nhóm cổ phiếu dự kiến đầu tư cho giai đoạn đó và danh mục sơ bộ các cổ phiếu có thể xem xét.
- Hiện trạng và dự kiến điều chỉnh trạng thái danh mục đầu tư hiện tại.
- Kế hoạch đầu tư dự kiến trong quý và dự kiến phân bổ sơ bộ các khoản đầu tư theo nhóm ngành/nhóm cổ phiếu và phương thức đầu tư (đầu tư ngắn hạn, đầu tư dài hạn,...).

Tổng giám đốc xem xét quyết định kế hoạch đầu tư này. Tổng giám đốc có thể yêu cầu bộ phận phân tích/tư vấn đầu tư đánh giá độc lập các kế hoạch đầu tư.

Kế hoạch trên phải được báo cáo đánh giá thực hiện sau mỗi quý hoặc theo yêu cầu của Tổng giám đốc hoặc trong các trường hợp điều chỉnh giữa quý bởi Phòng Tự doanh.

Điều 9. Tìm kiếm cơ hội đầu tư và đề xuất đầu tư

- Phòng Tự doanh chủ động tìm kiếm, đánh giá, và đề xuất cơ hội đầu tư lên cấp có thẩm quyền phù hợp với định hướng, kế hoạch đầu tư từng thời kỳ đã được phê duyệt.
- Bộ phận phân tích/tư vấn đầu tư phối hợp Phòng Tự doanh, theo yêu cầu của Tổng giám đốc hoặc trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình, kết hợp tìm kiếm, phát hiện cơ hội đầu tư và thông báo cho Phòng Tự doanh và/hoặc Tổng giám đốc.
- Mọi hoạt động đầu tư phải có đề xuất đầu tư của Phòng Tự doanh dựa trên cơ sở đánh giá cơ hội đầu tư. Phòng Tự doanh chủ động tổ chức đánh giá cơ hội đầu tư và phối hợp tham khảo ý kiến các bộ phận liên quan trước khi báo cáo Tổng giám đốc. Phòng Tư vấn tài chính và các phòng ban, bộ phận khác phối hợp đánh giá, đề xuất cơ hội đầu tư theo yêu cầu của Phòng Tự doanh hoặc Tổng giám đốc.

- Văn bản đề xuất đầu tư báo cáo Tổng giám đốc gồm 2 phần: Đánh giá cổ phiếu / doanh nghiệp / dự án; Phương án đầu tư đề nghị. Đánh giá phải nêu các chỉ số tài chính cơ bản của doanh nghiệp, các chỉ số kỹ thuật liên quan dựa trên nguồn thông tin chính thức và các nguồn thông tin hỗ trợ khác (nếu có). Phương án đầu tư phải nêu rõ ngưỡng giá mua, ngưỡng cắt lỗ, lợi nhuận kỳ vọng/ngưỡng bán, tổng số tiền đầu tư dự kiến, phương thức mua – bán, thời gian mua dự kiến, thời gian nắm giữ khoản đầu tư.

Điều 10. Xem xét, ra quyết định đầu tư

10.1. Trường hợp trong phạm vi được uỷ quyền của Phòng Tự doanh

Phòng Tự doanh chủ động tổ chức đánh giá, quyết định và thực hiện khoản đầu tư theo thẩm quyền. Phó Tổng giám đốc phụ trách Phòng Tự doanh hoặc Trưởng phòng phụ trách Phòng Tự doanh trực tiếp xem xét và phê duyệt đề xuất đầu tư do cán bộ đầu tư trình theo phạm vi được uỷ quyền.

Trong mọi trường hợp, Tổng giám đốc có thể yêu cầu Phòng Tự doanh trình các đề xuất đầu tư để Tổng giám đốc đánh giá, hoặc yêu cầu các bộ phận phân tích/tư vấn đầu tư đánh giá và Tổng giám đốc phê duyệt trước khi Phòng Tự doanh có thể thực hiện đầu tư.

10.2. Trường hợp vượt phạm vi được uỷ quyền của Phòng Tự doanh nhưng trong thẩm quyền của Tổng giám đốc

Tổng giám đốc xem xét, ra quyết định đầu tư đối với các đề xuất đầu tư trong phạm vi thẩm quyền. Trong các trường hợp khác, Tổng giám đốc yêu cầu các bộ phận phân tích/tư vấn đầu tư và/hoặc bộ phận liên quan khác đánh giá bổ sung các đề xuất đầu tư trước khi ra quyết định đầu tư.

Trường hợp Tổng giám đốc vắng mặt hoặc trường hợp cần thiết khác, Tổng giám đốc có thể uỷ quyền cho Phó Tổng giám đốc hoặc Trưởng phòng Đầu tư xem xét ra quyết định đầu tư đối với các đề xuất đầu tư trong phạm vi thẩm quyền của Tổng giám đốc trên cơ sở “đồng ý” của Tổng giám đốc chấp thuận qua email.

10.3. Trường hợp vượt thẩm quyền của Tổng giám đốc, hoặc khi Hội đồng quản trị có yêu cầu cụ thể

Trường hợp khoản đầu tư vượt thẩm quyền của Tổng giám đốc, Tổng giám đốc trình Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng quản trị quyết định theo thẩm quyền.

Trường hợp Tổng giám đốc vắng mặt hoặc trường hợp cần thiết khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định các khoản đầu tư vượt thẩm quyền của Tổng giám đốc hoặc trình Hội đồng quản trị xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

CHƯƠNG VI

THỰC HIỆN ĐẦU TƯ VÀ QUẢN LÝ DANH MỤC

Điều 11. Thực hiện đầu tư và báo cáo kết quả

Trên cơ sở các đề xuất đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Phòng Tự doanh phối hợp với các bộ phận môi giới, tư vấn và các nguồn thông tin khác để xác định hiện trạng cung cầu và thực hiện đầu tư theo mức giá tốt nhất có thể và đúng phương án đầu tư đã được duyệt.

Sau khi thực hiện đầu tư, Phòng Tự doanh báo cáo các bộ phận liên quan (Tổng giám đốc, phòng Tài chính - Kế toán). Phòng Tài chính - Kế toán căn cứ đề xuất đầu tư đã được duyệt và đề xuất chuyên tiền của Trưởng phòng Tự doanh để thực hiện chuyên tiền phù hợp với nội dung hợp đồng đã ký kết với khách hàng.

Điều 12. Báo cáo hiện trạng danh mục

Theo định kỳ dưới đây, Phòng Tự doanh báo cáo hiện trạng danh mục đầu tư cổ phiếu, cập nhật kết quả đầu tư trong kỳ và giá hiện tại cho Tổng giám đốc, Phòng Tài chính - Kế toán và các cấp, bộ phận liên quan khác và chủ động đề xuất thực hiện các biện pháp điều chỉnh danh mục trong phạm vi thẩm quyền và theo quyết định của cấp có thẩm quyền:

- Đối với danh mục đầu tư niêm yết: định kỳ hàng ngày sau phiên giao dịch;
- Đối với danh mục đầu tư OTC: định kỳ hàng tuần hoặc đột xuất theo yêu cầu của Tổng giám đốc;
- Đối với tổng hợp toàn bộ danh mục đầu tư: định kỳ hàng tháng hoặc đột xuất theo yêu cầu của Tổng giám đốc.

Báo cáo tổng hợp hàng tháng bao gồm danh mục hiện tại, hoạt động đầu tư trong tháng, kết quả lãi lỗ trong tháng, đánh giá chung quá trình đầu tư và định hướng cho hoạt động đầu tư tháng tiếp theo.

Điều 13. Quản lý hồ sơ, thông tin

Các chứng từ gốc liên quan đến các quyết định đầu tư, chứng từ chuyên tiền, giấy chứng nhận sở hữu cổ phần được lưu trữ kèm chứng từ kế toán và được bảo quản bởi Phòng Tài chính - Kế toán. Phòng Tự doanh và các bộ phận liên quan đến khoản đầu tư chịu trách nhiệm lưu trữ hồ sơ đầu tư (bao gồm kế hoạch đầu tư được duyệt, quyết định đầu tư, tờ trình/đề xuất đầu tư, bản phân tích/đánh giá khoản đầu tư, và tài liệu liên quan khác) và bảo mật thông tin liên quan đến phạm vi quản lý của bộ phận mình.

CHƯƠNG VII

QUẢN TRỊ RỦI RO

Điều 14. Trách nhiệm của Tổng giám đốc trong quản trị rủi ro

Xem xét hoạt động đầu tư về tính tuân thủ các quy chế, quy trình đầu tư và các quy định khác có liên quan của hoạt động đầu tư. Phát hiện và đề xuất xử lý các vi phạm tới Hội đồng quản trị và các cấp có liên quan.

Điều 15. Cắt lỗ và hiện thực hoá lợi nhuận

- Mức cắt lỗ tối đa được phép áp dụng trong các phương án, kế hoạch đầu tư không được vượt quá 15% với trường hợp đầu tư cổ phiếu niêm yết và không được vượt quá 20% với trường hợp đầu tư cổ phiếu OTC. Trong trường hợp toàn danh mục đầu tư cổ phiếu niêm yết và/hoặc cổ phiếu OTC chưa đến hạn mức cắt lỗ như trên nhưng trong đó có một mã chứng khoán niêm yết bị lỗ tới 15% hoặc cổ phiếu OTC lỗ tới 20% thì phải cắt lỗ mã chứng khoán hoặc cổ phiếu OTC đó để đảm bảo an toàn tài chính cho toàn danh mục.
- Phòng Tự doanh chịu trách nhiệm theo dõi biến động giá của các chứng khoán nắm giữ để xử lý cắt lỗ hoặc hiện thực hoá lợi nhuận khi giá chạm ngưỡng theo phương án đầu tư ban đầu đã được phê duyệt.
- Căn cứ trên thực tế diễn biến thị trường và đánh giá xu hướng biến động, Phòng Tự doanh chủ động báo cáo và trình xin ý kiến Tổng giám đốc về việc điều chỉnh mức hiện thực hoá lợi nhuận, mức cắt lỗ khi cần thiết.

- Các tình huống đặc biệt, mức cắt lỗ cần phải điều chỉnh trên mức 20% thì phải được sự chấp thuận của Tổng giám đốc nhưng tỷ lệ cắt lỗ điều chỉnh không lớn hơn 200% tỷ lệ cắt lỗ đã được phê duyệt trong phương án đầu tư ban đầu.
- Trong thực tế, nếu xảy ra trường hợp Phòng Tự doanh không thực hiện được việc cắt lỗ do các lý do bất khả kháng như: cổ phiếu chưa về tài khoản, chưa niêm yết bổ sung, thị trường mất tính thanh khoản,... thì Phòng Tự doanh phải chủ động báo cáo Tổng giám đốc.
- Phòng Tự doanh thực hiện cân đối giữa lãi/lỗ đã hiện thực hoá và phần chưa hiện thực hoá theo chỉ đạo của Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Hiệu lực và sửa đổi, bổ sung

- 16.1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 16.2. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa Quy chế này với Điều lệ Công ty về cùng một vấn đề, thì các quy định của Điều lệ Công ty sẽ được ưu tiên áp dụng.
- 16.3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Khi có bất kỳ nội dung nào của Quy chế này trái với quy định của Pháp luật thì sẽ đương nhiên hết hiệu lực thi hành.
- 16.4. Các cấp, các bộ phận và cán bộ có liên quan của NVS có trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Quy chế này gồm 8 Chương và 16 Điều, đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank thông qua ngày 29 tháng 04 năm 2021.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Phan Anh Tuấn